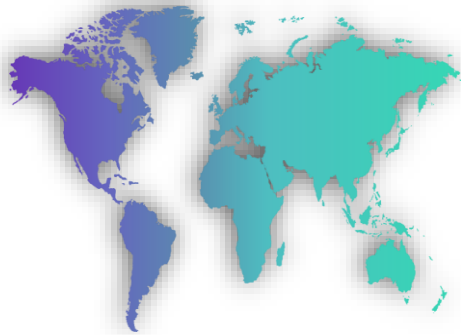




Thị trường thế giới



- ✓ Giá gạo xuất khẩu của Thái Lan đã chạm mức cao nhất trong gần 2 năm nhờ đồng baht tăng giá và sức mua mạnh mẽ trên thị trường trong nước, trong khi nhu cầu ổn định đã góp phần giữ giá ở gần mức cao nhất trong nhiều tháng tại Ấn Độ và Việt Nam.
- ✓ Giá cao su trên thị trường châu Á có xu thế tăng do việc nới lỏng một số hạn chế về phòng, chống Covid gần đây tại Trung Quốc, các nhà đầu tư kỳ vọng nhu cầu cao su tại nước này sẽ được cải thiện.
- ✓ Giá đường giảm do lo ngại về nguồn cung toàn cầu.

TÌNH HÌNH CHUNG

Thị trường trong nước



- Thị trường trái cây biến động tăng do nhu cầu tăng.
- Giá gà công nghiệp giảm do nhu cầu tiêu thụ thị trường giảm mạnh vào mùa Tết, nhất là kênh tiêu thụ lớn là các bếp ăn công nghiệp, bếp ăn tập thể của doanh nghiệp, trường học đều nghỉ Tết.
- Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL những ngày đầu năm chững giá. Một số công ty gia công tạm ngưng hoặc có xu hướng bắt cá chậm lại trước khi nghỉ Tết Nguyên đán cổ truyền từ giữa tháng.
- Giá tôm nguyên liệu 20-50 con/kg tăng, nhất là đối với tôm sú sống (oxy) do nhu cầu tiêu thụ cao ở phân khúc nhà hàng phục vụ tiệc cuối năm cũng như nhu cầu trong dân tăng cao.





Thị trường thế giới

Trong tháng đầu tiên của năm mới 2023, giá gạo xuất khẩu của Thái Lan đã chạm mức cao nhất trong gần 2 năm nhờ đồng baht tăng giá và sức mua mạnh mẽ trên thị trường trong nước, trong khi nhu cầu ổn định đã góp phần giữ giá ở gần mức cao nhất trong nhiều tháng tại Ấn Độ và Việt Nam.

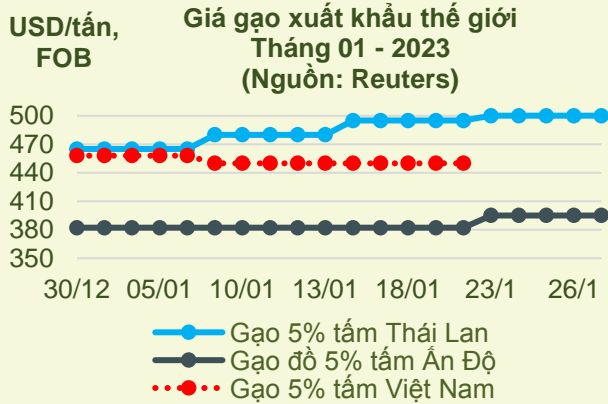
Giá gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan hiện ở mức 500 USD/tấn, tăng 35 USD so với 452 – 465 USD/tấn đầu tháng. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 3 năm 2021. Các thương nhân cho rằng mức giá tăng cao là do đồng baht mạnh, làm giảm lợi nhuận

khi bán hàng ở nước.

Gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ giữ ở mức 375 – 382 USD/tấn trong cả tháng, gạo trắng 5% tăng lên 398 – 405 USD/tấn nhờ nhu cầu tiêu thụ mạnh. Nguồn cung ở Ấn Độ đang thắt chặt sau khi New Delhi quyết định chấm dứt chương trình thực phẩm miễn phí trong thời kỳ COVID và thay thế bằng một chương trình rẻ hơn.

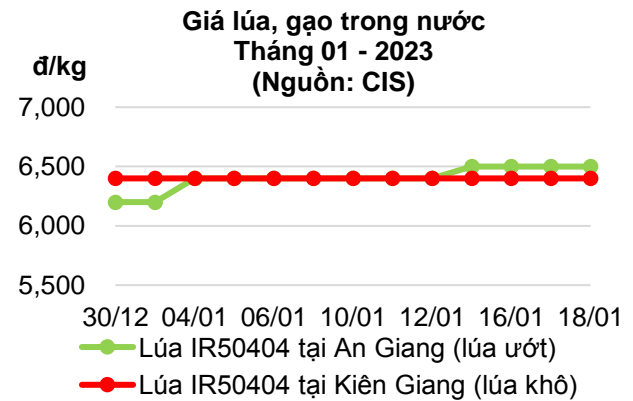
Hiệp hội xuất khẩu gạo Thái Lan đã hạ mục tiêu xuất khẩu gạo năm 2023 xuống 7,5 triệu tấn từ 8 triệu do đồng baht mạnh.

Gạo xuất khẩu 5% tấm của Việt Nam giảm 8 USD/tấn, từ mức 458 USD/tấn xuống còn 450 USD/tấn trong bối cảnh giao dịch trầm lắng dịp Tết Nguyên đán.



Thị trường trong nước

Tại thị trường trong nước, giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL diễn biến tăng trong tháng 1/2023, với mức tăng tùy thuộc vào nhu cầu đối với từng chủng loại lúa. Cụ thể, tại An Giang, lúa thường IR50404 ở mức 6.400 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg so với thời điểm cuối tháng 12/2022; lúa chất lượng cao OM 5451 ở mức 6.400 đồng/kg, ổn định so với tháng trước. Tại Kiên Giang, lúa OM 5451 tăng 300 đồng/kg, từ 6.800 – 7.000 đồng/kg lên 7.000 – 7.300 đồng/kg; lúa Đài thơm 8 tăng 300 đồng/kg, từ 7.000 – 7.200 đồng/kg lên 7.200 – 7.500 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 vụ Đông Xuân sớm tăng mạnh từ 6.300 đồng/kg lên 7.300 đồng/kg.



Thị trường gạo các tỉnh miền Nam không biến động trong tháng 1, với giá gạo thường IR50404 tại Vĩnh Long và An Giang giữ ở mức 11.000 đồng/kg và 11.500 đồng/kg; gạo jasmine có giá 15.000 đồng/kg và 14.000 đồng/kg. Gạo thơm Thái Lan tại Tp Hồ Chí Minh ở mức 22.000 đồng/kg, trong khi tại Vĩnh Long chỉ có 17.000 đồng/kg. Gạo tẻ thường và gạo Tài nguyên tại thị trường Tp Hồ Chí Minh có giá 14.000 đồng/kg và 20.000 đồng/kg.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng gạo xuất khẩu năm 2022 đạt 7,11 triệu tấn và 3,46 tỷ USD, tăng 13,8% về khối lượng và tăng 5,1% về giá trị so với năm 2021. Giá gạo xuất khẩu bình quân năm 2022 đạt 486,2 USD/tấn, giảm 7,7% so với năm 2021. Philippin là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam trong năm 2022 với 43,2% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này trong năm 2022 đạt 3,21 triệu tấn và 1,49 tỷ USD, tăng 30,7% về khối lượng và tăng 19% về giá trị so với năm 2021. Trong năm 2022, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh nhất là Thổ Nhĩ Kỳ (gấp 21,3 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Bangladesh (-51,2%).

Tại thị trường miền Bắc, giá bán buôn lúa Khang Dân tại Hà Nội ở mức 7.500 đồng/kg, gạo ở mức 13.000 - 14.000 đồng/kg; trong khi tại Hưng Yên chỉ là 10.500 đồng/kg. Tại Nam Định, gạo Bắc thơm tăng 500 đồng/kg lên 15.500 đồng/kg; trong khi gạo tạp giao đứng ở mức 12.000 đồng/kg, thóc vẫn giữ mức 7.500 đồng/kg.

Ước khối lượng xuất khẩu gạo tháng 1/2023 đạt 400 nghìn tấn với giá trị đạt 203 triệu USD, giảm 20,9% về khối lượng và giảm 17,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

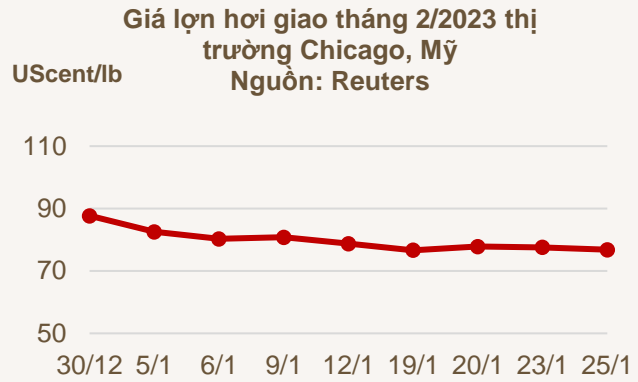


Thị trường thế giới

Giá lợn nạc giao tháng 2/2023 ở Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 10,9 UScent/lb xuống mức 76,8 UScent/lb. Giá thịt lợn Mỹ giảm do nhu cầu trong nước giảm và xuất khẩu sang Trung Quốc suy yếu.

Theo Bộ Nông nghiệp và Kinh tế Liên bang Nga, Nga đặt ra mục tiêu tăng gấp đôi lượng thịt xuất khẩu ra nước ngoài trong thời gian từ 5 đến 7 năm tới và đến năm 2030 trở thành một trong 5 nước xuất khẩu thịt lợn hàng đầu thế giới.

Ngành công nghiệp thịt của Nga tăng trưởng tốt vào cuối năm 2022, đây là động lực tích cực để ngành tiếp tục phát triển. Vấn đề an toàn thực phẩm là một vấn đề quan trọng để đạt được mục tiêu này. Sản xuất đang đạt được năng suất cao và hy vọng thâm nhập thị trường nước ngoài, nhưng điều này có thể thực hiện được nếu đảm bảo an toàn thực phẩm tại



Lợn nạc giao tháng 2/2023 thị trường Chicago

76,8 UScent/lb ↓ - 10,9

từng doanh nghiệp để giảm thiểu rủi ro hiện đang phải đối mặt hiện nay

Thị trường trong nước

Trong tháng 1/2023, giá lợn hơi biến động tùy theo vùng miền khác nhau. Cụ thể, tại khu vực miền Bắc, giá heo hơi miền Bắc ổn định, dao động trong khoảng 51.000 -53.000 đ/kg. Trong khi đó, giá lợn hơi miền Trung, Tây Nguyên tăng 2.000 đ/kg lên 51.000-54.000 đ/kg. Giá lợn hơi miền Nam tăng 1.000 đ/kg lên 51.000-54.000 đ/kg.

Giá thu mua gà tại trại biến động giảm tại các vùng miền trong tháng 1/2023. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày miền Bắc, miền Trung và miền Nam giảm 4.000 đồng/kg xuống mức 39.000 – 40.000 đồng/kg. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày giảm do nguồn cung khá dồi dào.

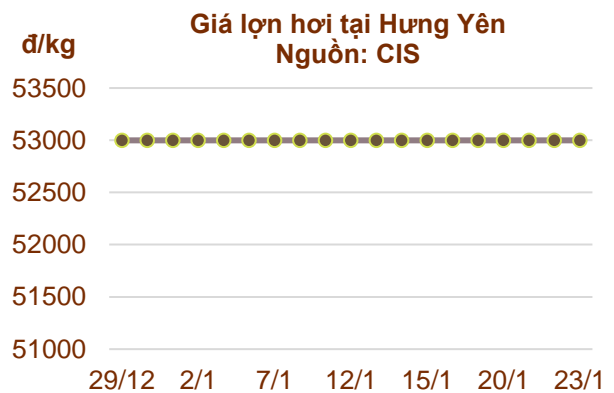
Giá gà công nghiệp miền Trung và miền Nam giảm 12.000 – 14.000 đồng/kg xuống mức 18.000 – 20.000 đồng/kg. Việc giảm giá vào mùa Tết của mặt hàng này đã thành quy luật vì nhu cầu tiêu thụ thịt gà công nghiệp trên thị trường giảm mạnh vào mùa Tết, nhất là kênh tiêu thụ lớn là các bếp ăn công nghiệp, bếp ăn tập thể của doanh nghiệp, trường học đều nghỉ Tết.

Giá trứng gà miền Bắc và miền Trung giảm 200 đồng/quả xuống mức 1.800 – 2.000 đồng/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ tăng 100 đồng/quả lên mức 2.100 – 2.200 đồng/quả. Giá trứng gà miền Tây Nam Bộ ổn định ở mức 1.900 – 2.000 đồng/quả.

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi năm 2022 đạt 409 triệu USD, giảm 5,2% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 106,4 triệu USD, giảm 3,5%; thịt

và phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 115,2 triệu USD, giảm 0,5%.

Giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi năm 2022 đạt 3,29 tỷ USD, giảm 0,7% so với năm 2021. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa đạt 1,25 tỷ USD, tăng 6,4%; giá trị nhập khẩu của thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 1,52 tỷ USD, tăng 9,1%.





Thị trường thế giới

Theo dữ liệu từ Cơ quan Quản lý Đại dương và Khí quyển Quốc gia Mỹ (NOAA), trong tháng 11/2022, Mỹ nhập khẩu 64.014 tấn tôm, trị giá 579,3 triệu USD. Tổng nhập khẩu tôm của tháng 11/2022 thấp hơn 19% về khối lượng và 25% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021, giảm gần 9% so với tháng 10/2022. Nguyên nhân được cho là dư cung.

Giá tôm bình quân trên mỗi kg cũng tiếp tục giảm, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2021. Giá trung bình của tháng 11/2022 là 9,05 USD/kg so với 9,74 USD/kg vào tháng 11/2021.

Nguồn cung ở Mỹ giảm do nhập khẩu giảm so với cùng kỳ năm 2021, điều này phù hợp với tình hình thị trường hiện tại. Mỗi quan hệ cung-cầu sẽ tự điều chỉnh theo thời gian. Nhu cầu tiêu thụ trong kỳ nghỉ lễ khá lớn. Đây là kỳ nghỉ đông đầu tiên ở Mỹ kể từ năm 2019 khi du lịch được cho là đã trở lại mức bình thường. Du lịch nhiều hơn có nghĩa là tụ tập nhiều hơn và ăn uống nhiều hơn, dẫn đến tiêu thụ hải sản nhiều hơn.

Tuy nhiên, nhu cầu hồi phục vẫn chưa thể giúp được cho các nhà xuất khẩu tôm hàng đầu sang Mỹ. 8 trong số 10 nhà xuất khẩu tôm ghi nhận sự sụt giảm về khối lượng so với cùng kỳ năm 2021 và đáng chú ý hơn là 9 trong số 10 quốc gia ghi nhận sự sụt giảm về giá trị. Chỉ Indonesia ghi nhận mức tăng về giá trị, từ 119,16 triệu USD vào tháng 11/2021 lên 123,28 triệu USD trong tháng 11/2022 (tăng 3%). Nhà xuất khẩu tôm hàng đầu của Mỹ là Ấn Độ (21.413 tấn, trị giá 187,18 triệu USD) ghi nhận mức giảm lần lượt là 28% và 31% so với cùng kỳ năm 2021. Việt Nam, Thái Lan, Mexico, Argentina và Peru đều ghi nhận mức giảm về khối lượng và giá trị xuất khẩu sang Mỹ.

Giá cá ngừ vẫn giao tại Bangkok trong tháng 1/2023 vẫn ổn định so với tháng trước đó, ở mức

1.700 USD/tấn, mặc dù nhu cầu chậm lại trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh và Năm mới. Trong tháng 2, các nhà máy sẽ đánh giá nhu cầu của họ sau khi tất cả thân cá ngừ miễn thuế châu Á được cập cảng, và dự báo doanh số bán cá ngừ vây vàng trong mùa hè được thực hiện.

Giá cá ngừ vẫn tại Tây Ban Nha ở mức từ 1.700 – 1.750 EUR/tấn, nhu cầu các thị trường đang chậm hơn do sắp có hàng thân cá ngừ được miễn thuế. Trong khi đó, giao dịch tại một số thị trường đã chậm lại. Một nguồn tin cho biết, các nhà máy đóng hộp của Tây Ban Nha và Italy đang quay trở lại làm việc toàn thời gian sau kỳ nghỉ lễ vào ngày 9/1, điều này có thể tác động đến giá cá ngừ vây vàng.

Hoạt động đánh bắt tại khu vực Trung Tây Thái Bình Dương (WCPFC) hiện không được tốt và không thực sự thay đổi nhiều trong vài tháng qua. Nhìn chung, hoạt động đánh bắt vẫn chậm và nhu cầu vẫn ở mức thấp do một số nhà máy mới bắt đầu hoạt động trở lại nên giá cá ngừ vẫn ở mức 1.700 USD/tấn.

Trong khi, tại Manta, Ecuador, giá cá ngừ vẫn đã giảm xuống còn 1.800 USD/tấn.

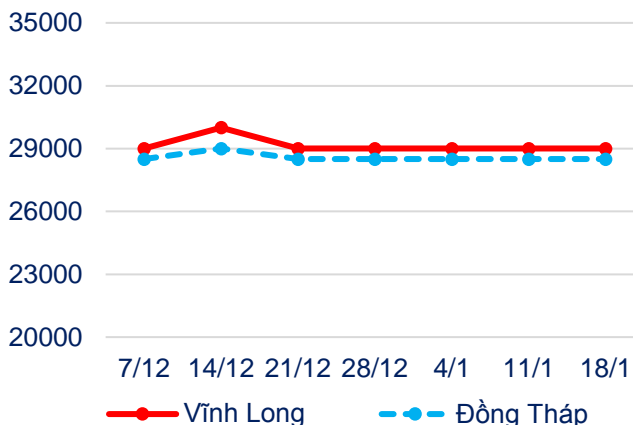
Ở vùng biển nhiệt đới phía Đông Thái Bình Dương (EPO), lệnh cấm veda kéo dài 72 ngày đã kết thúc vào ngày 19/1/2023. Giá cá ngừ vẫn ở đó đã đạt gần 1.900 USD/tấn trong vài tháng nhưng đã giảm xuống gần 1.800 USD/tấn trong tháng 12/2022 mặc dù chỉ có khoảng 27% đội tàu hoạt động.

Trong khi đó, các tàu thuyền ở Ấn Độ Dương (IO) hiện hầu hết đã ngừng đánh bắt, sau khi phần lớn đội tàu đã bị trói buộc vì lý do hạn ngạch ở Cảng Victoria từ giữa tháng 11 trở đi. Hoạt động đánh bắt tại IO ở mức thấp và dự đoán là không tốt trong năm 2023.





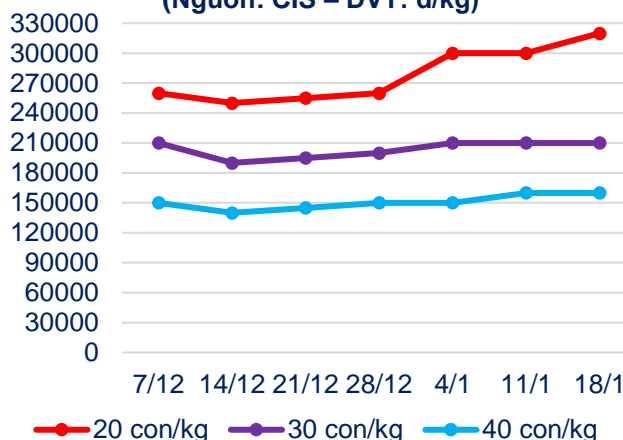
Giá cá tra trắng nguyên liệu tại ĐBSCL (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL những ngày đầu năm chững giá quanh mức 28.500-29.000 đ/kg cho cá cỡ 800g-1kg. Đầu tháng, các công ty vẫn bắt lại rai một số ao cá theo hợp đồng kỹ cũ, một số công ty gia công tạm ngưng hoặc có xu hướng bắt chậm lại trước khi nghỉ Tết Nguyên đán cổ truyền từ giữa tháng và dự kiến mừng 9 âm lịch sẽ sản xuất trở lại. Giá cá tra giống cỡ 28-35 con/kg tăng 2.000-3.000 đ/kg so với tháng trước, đạt mức 35.000 – 37.000 đ/kg do nhu cầu tìm mua giống của một số doanh nghiệp và hộ nuôi tư nhân có xu hướng tăng trở lại, trong khi tỉ lệ ao nuôi giống trống khá cao do mùa lạnh nên cá hao hụt nhiều. Nguồn cá giống sau Tết khả năng cao vẫn trong tình trạng khan hiếm.

Thị trường tôm nguyên liệu những ngày đầu năm diễn biến chậm do các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu mua hàng chậm lại vì chuẩn bị cho công nhân nghỉ Tết Nguyên đán vào giữa tháng. Tuy nhiên, giá tôm nguyên liệu 20-50 con/kg đang tăng 10-40.000 đồng/kg, nhất là đối với tôm sú sống (oxy) do nhu cầu tiêu thụ cao ở phân khúc nhà hàng phục vụ đám tiệc cuối năm cũng như nhu cầu trong dân tăng cao. Tại Bạc Liêu, giá tôm sú oxy cỡ 20 con/kg ở mức 420.000 đ/kg, tăng 40.000 đ/kg so với cuối tháng 12/2022, cỡ 40 con/kg ở mức 200.000 đ/kg, tăng 30.000 đ/kg. Tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg tăng 60.000 đ/kg đạt 320.000 đ/kg, cỡ

Tôm sú ướp đá nguyên liệu tại Bạc Liêu (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



30-40 con/kg lần lượt ở mức 210.000 đ/kg, 160.000 đ/kg, tăng 10.000 đ/kg so với tháng trước. Tôm thẻ kích cỡ 20 con/kg giá rất cao (290.000 đ/kg với tôm oxy, 270.000 đ/kg với tôm ướp đá) tăng 30.000 đ/kg, loại 30 con/kg oxy giá 200.000 đ/kg, ướp đá 180.000 đ/kg. Đối với tôm kích cỡ nhỏ (50-100 con) không biến động nhiều, dao động 85.000-125.000 đ/kg.

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu thủy sản năm 2022 đạt 10,92 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2021. Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc là 3 thị trường xuất khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong năm 2022, chiếm 49,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất tại thị trường Trung Quốc (+61,2%). Ước giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 1 năm 2023 đạt 600 triệu USD, giảm 30,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Xuất khẩu cá tra trong năm 2022 đạt 2.325 triệu USD, tăng 49,5% so với năm 2021. Trong tháng 1/2023, xuất khẩu cá tra ước đạt 125 triệu USD, giảm 39,9% so với cùng tháng năm 2021. Đối với mặt hàng tôm, xuất khẩu trong năm 2022 đạt 4.312 triệu USD, tăng 11% so với năm 2021. Giá trị xuất khẩu tôm trong tháng 1/2023 ước đạt 222 triệu USD, giảm 29,2% so với tháng 1/2022.



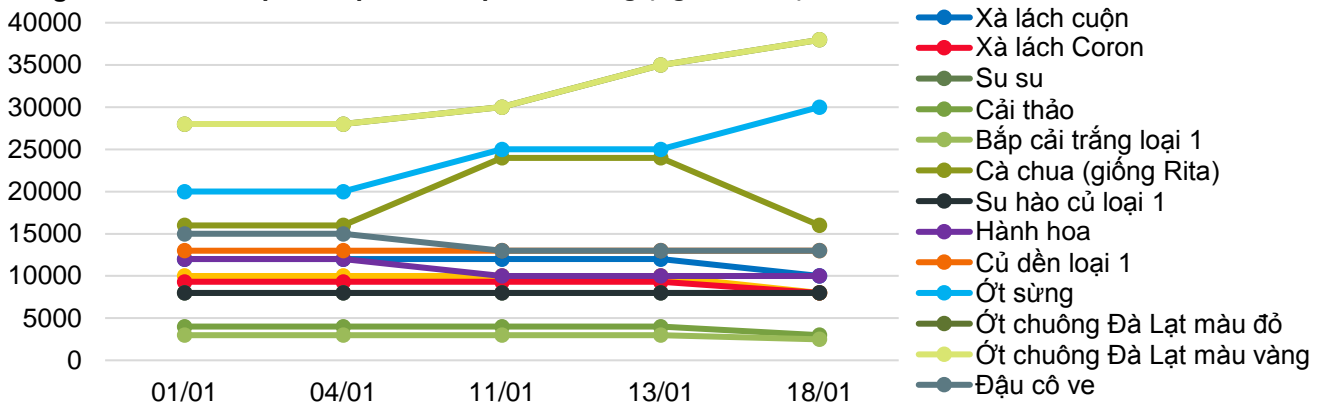


Thị trường trong nước

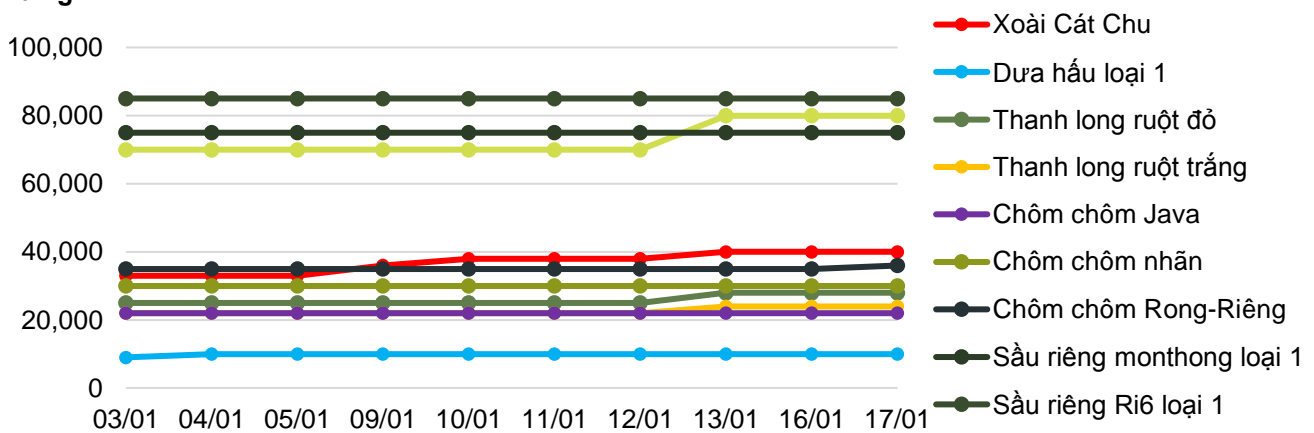
Tháng 1/202, tháng đầu năm của năm 2023, thị trường trái cây diễn biến động tăng vào thời điểm trước Tết Nguyên đán do nhu cầu tăng. Cụ thể, tại tỉnh Tiền Giang xoài tăng 10.000 đồng/kg lên mức giá 80.000 đồng/kg đối với xoài cát Hòa Lộc và 40.000 đồng/kg đối với xoài Cát chu, dưa hấu tăng 1.000 đồng/kg lên mức giá 10.000 đồng/kg, thanh long tăng 3.000 đồng/kg lên mức giá 28.000 đồng/kg đối với thanh long ruột đỏ và 24.000 đồng/kg đối với thanh long ruột trắng. Chôm chôm và sầu riêng vẫn duy trì mức giá 36.000 đồng/kg và 75.000 đồng/kg đối với sầu riêng mongthong và 85.000 đồng/kg đối với sầu riêng Ri6.

Tương tự, tháng 1/2023 đối với mặt hàng rau củ, tại Lâm Đồng thị trường diễn biến tương đối ổn định vào thời điểm trước và cận sau Tết Nguyên đán do nguồn cung tương đối dồi dào mặc dù nhu cầu gia tăng vào ngày Tết. Cụ thể, giá các loại rau như cải thảo 4.000 đồng/kg; bắp cải 3.200 đồng/kg; su hào 8.000 đồng/kg, ớt sừng 15.000 đồng/kg. Tuy nhiên, một số mặt hàng có xu hướng giảm do nguồn cung tăng vào thời điểm chính vụ như: susu giảm 5.000 đồng/kg xuống mức giá 6.000 đồng/kg; ớt chuông giảm 5.000 đồng/kg xuống mức giá 25.000 đồng/kg; cà chua giảm 3.000 đồng/kg xuống 13.000 đồng/kg; củ dền giảm 2.000 đồng/kg xuống còn 9.000 đồng/kg.

Giá một số loại rau củ tại Lâm Đồng (nguồn: CIS)



Giá một số loại quả tại Tiền Giang, tháng 1/2023 (nguồn: CIS)



Tình hình xuất nhập khẩu

Giá trị xuất khẩu rau quả năm 2022 ước 3,37 tỷ USD, giảm 5,1% so với năm 2021. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu rau quả của Việt Nam trong năm 2022 với 45,4% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong năm 2022 đạt 1,53 tỷ USD, giảm 19,8% so với năm 2021. Trong năm 2022, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh nhất là Lào (gấp 3,9 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh nhất là Nga (-27,3%). Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 1 năm 2023 ước đạt 300 triệu USD, tăng 3,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả năm 2022 đạt 2,08 tỷ USD, tăng 40,3% so với năm 2021. Trung Quốc (chiếm tỷ trọng 41,3%), Hoa Kỳ (17,2%) và Ôxtrâyliya (7,6%) là 3 thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam trong năm 2022. So với năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả năm 2022 từ Trung Quốc tăng 85,8%, Hoa Kỳ (+15,6%) và Ôxtrâyliya (+16,5%). Giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 1 năm 2023 ước đạt 175 triệu USD, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2022.



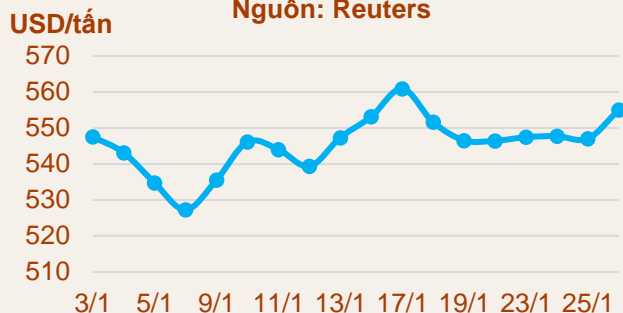
Thị trường thế giới

Giá đường thế giới trong tháng 1 có xu hướng giảm vào đầu tháng do triển vọng nguồn cung đường được cải thiện. Unica vào ngày 11 tháng 1 đã báo cáo rằng sản lượng đường niên vụ 2022/23 của Brazil tính đến tháng 12 đã tăng 4,4% so với cùng kỳ lên 33,462 triệu tấn. Brazil là nước sản xuất đường lớn nhất thế giới. Ngoài ra, Hiệp hội các nhà máy đường Ấn Độ (ISMA) đã báo cáo vào ngày 17/1 rằng sản lượng đường niên vụ 2022/23 của Ấn Độ từ ngày 15 tháng 10 đến ngày 15 tháng 1 đã tăng 4% so với cùng kỳ lên 15,7 triệu tấn.

Giá có xu hướng phục hồi vào nửa cuối tháng do lo ngại về nguồn cung toàn cầu. Suy đoán rằng sản lượng đường nhỏ hơn ở Ấn Độ sẽ ngăn cản chính phủ cho phép xuất khẩu đường bổ sung thúc đẩy giá. Liên đoàn các nhà máy đường hợp tác quốc gia của Ấn Độ dự đoán rằng sản lượng đường niên vụ 2022/23 của Ấn Độ sẽ giảm 4,5% so với cùng kỳ xuống còn 34,3 triệu tấn. Ấn Độ sẽ đánh giá nhu cầu trong nước trước khi quyết định có cho phép xuất khẩu đường nhiều hơn vào tháng tới hay không. Ấn Độ là nước xuất khẩu đường lớn thứ hai thế giới.

Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2023

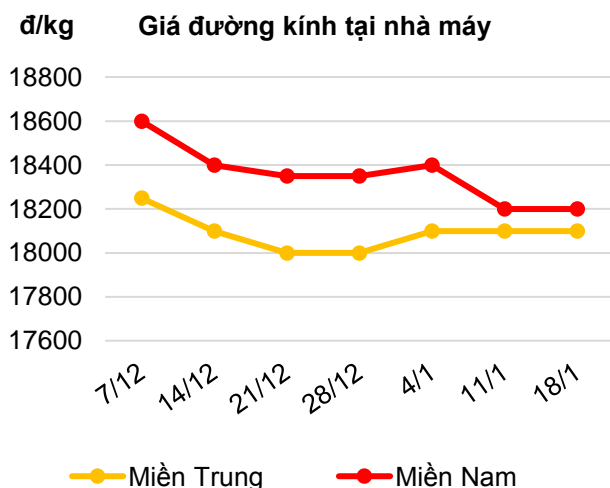
Nguồn: Reuters



Giá đường cũng được hỗ trợ khi công ty dầu mỏ quốc doanh Brazil Petrobras tăng giá xăng hơn 7% cho các nhà phân phối. Sức mạnh của xăng hỗ trợ giá ethanol và giá ethanol cao hơn có thể thúc đẩy các nhà máy đường của Brazil đẩy mạnh sản xuất ethanol với chi phí đường.

Tính trung bình trong tháng 1/2023 (đến ngày 26/1), giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2023 trên sàn London giảm 0,5% so với tháng 12/2022, đạt 545,57 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2023 tại sàn New York giảm 1,5% so với tháng trước, đạt 19,7 UScent/lb.

Thị trường trong nước



Nhu cầu tiêu thụ đường dịp giáp Tết và Tết Nguyên đán năm nay khá chậm, sức mua kém. Một số đơn vị thương mại ngưng mua do đã tích đủ hàng từ trước. Trong khi đó, nguồn cung đường nội địa được bổ sung từ một số nhà máy đã bắt đầu bán đường vụ mới. Trong đó, Nhà máy đường An Khê đã mở kho chào bán đường vụ mới. Dự kiến trong thời gian tới giá đường có khả năng sẽ giảm tiếp khi nguồn cung đường được bổ sung nhiều hơn từ các nhà máy, cùng với đó nguồn đường tiểu ngạch có khả năng sẽ tiếp tục về đều.

Tại miền Trung, đường RS An Khê tại nhà máy trung bình ở mức 18.100 đ/kg, tương đương so với tháng trước. Tại miền Nam, giá đường RS An Khê ở mức 18.250 đ/kg, giảm 200 đ/kg so với tháng trước.



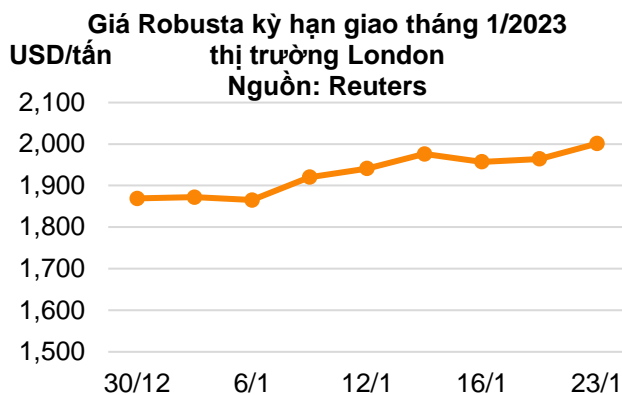


Thị trường thế giới

Tháng 1/2023, giá cà phê thế giới biến động tăng. Cụ thể, giá cà phê Robusta giao tháng 3/2023 tại thị trường London tăng 171 USD/tấn lên mức 1.970 USD/tấn. Thị trường hàng hóa toàn cầu đã có sự lạc quan sau khi Trung Quốc gỡ bỏ các biện pháp thắt chặt vì chính sách Zero – Covid và nhu cầu hàng hóa tăng trở lại. Bên cạnh đó, đồng Reais của Brazil tăng đã thúc đẩy người Brazil giảm bán cà phê xuất khẩu.

Theo Tổ chức Cà phê quốc tế (ICO), tổng sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2021/22 vào khoảng 167,2 triệu bao (60kg/bao), trong khi nhu cầu vào khoảng 170,83 triệu bao.

Theo Cơ quan thống kê và lương thực chính phủ Conab của Brazil, niên vụ cà phê năm 2023 của Brazil dự kiến đạt 54,94 triệu bao 60kg, tăng 7,9% so với niên vụ trước.



Cà phê Robusta giao tháng 3/2023 tại thị trường London

1.970 USD/tấn ↑ + 171

Thị trường trong nước

Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng xu hướng thị trường cà phê thế giới. Giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện ở mức 41.100 – 41.700 đồng/kg, tăng 2.500 đồng/kg so với tháng trước.

Niên vụ năm nay, diện tích sản xuất của Việt Nam nhìn chung không thay đổi với hơn 95% sản lượng vẫn là cà phê robusta. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2022/23 cũng được dự báo giảm 1,5 triệu bao, xuống còn 24,5 triệu bao do nguồn cung thấp hơn và tồn kho cuối vụ dự kiến giảm 200.000 bao xuống còn 3,1 triệu bao.

Dự báo về năm 2023, ngành cà phê Việt Nam sẽ vẫn được hưởng lợi nhờ nhu cầu thế giới có khả năng phục hồi và nguồn cung trong nước được đảm bảo cả về sản lượng lẫn chất lượng, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

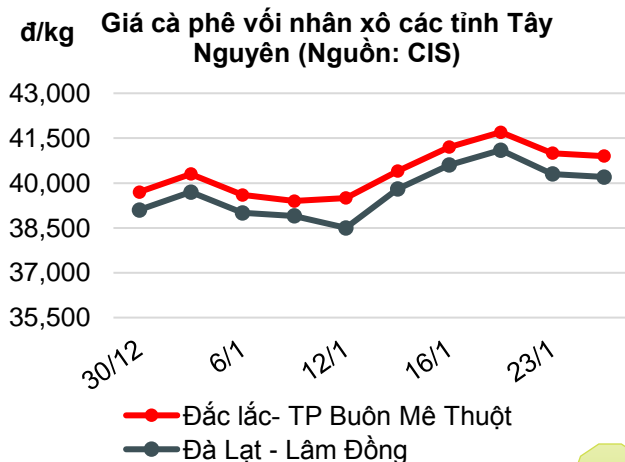
Theo số liệu thống kê, xuất khẩu cà phê năm 2022 đạt 1,78 triệu tấn với giá trị 4,06 tỷ USD, tăng 13,8% về khối lượng và tăng 32% về giá trị so với năm 2021.

Giá cà phê xuất khẩu bình quân năm 2022 đạt 2.281,7 USD/tấn, tăng 16% so với năm 2021.

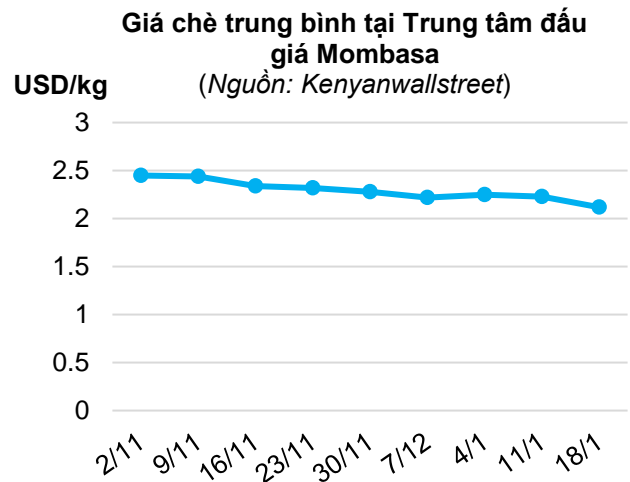
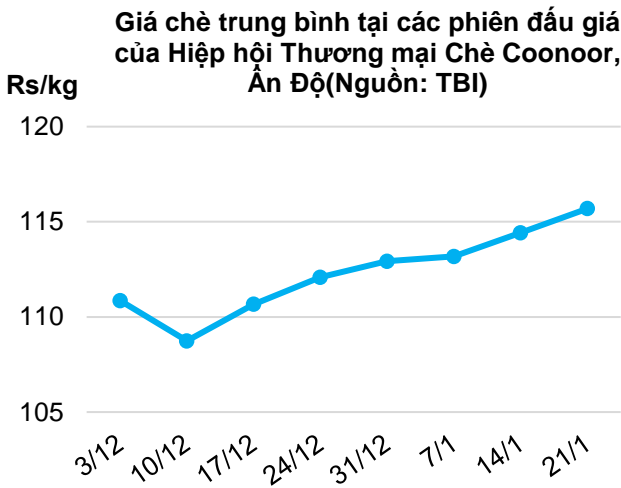
Đức, Hoa Kỳ và Italia là 3 thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong năm 2022 với thị phần lần lượt là 11,7%, 7,5% và 7,3%. Trong năm 2022, giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh nhất tại Hà Lan (gấp 2,7 lần). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất là Angieri (-14,7%).



Tháng 1 năm 2023, xuất khẩu cà phê ước đạt 160 nghìn tấn với giá trị đạt 352 triệu USD, giảm 30,9% về khối lượng và giảm 29,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.



Thị trường thế giới



Các cuộc đấu giá của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor Ấn Độ (CTTA) cho năm 2023 đã khởi đầu khá tốt đẹp, với mức giá trung bình đạt 114,43 Rs/kg, tăng 3,37 Rs/kg so với tháng 12/2022. Giá chè tăng trong hơn 1 tháng qua nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ các nhà chế biến cùng với lượng hàng đến từ các trung tâm sản xuất thấp hơn do thời tiết khắc nghiệt mùa đông đã nâng giá các loại chè.

Trong khi đó, giá chè tại phiên đấu giá Mombasa hàng tuần vẫn duy trì trên mốc 2 USD/kg trong ba tuần giao dịch đầu tiên của năm mới, đạt 2,2 USD/kg. Nhu cầu thấp và không thường xuyên đã khiến giá của mặt hàng này vẫn thấp hơn giá tối thiểu 2,43 USD/kg do chính phủ quy định cho Cơ quan Phát triển Chè Kenya (KTDA) trong hơn một tháng qua.

Các nhà máy ở phía tây của đất nước đã phàn nàn rằng mức giá tối thiểu 2,43 đô la do chính phủ đưa ra vào năm 2021 đã ảnh hưởng đến doanh số bán chè của họ do người mua thích đồ uống từ phía đông hơn và trong một số trường hợp, họ đã chỉ đạo bán sản phẩm của họ với mức giá thấp hơn so với khuyến nghị của KTDA. Giá của loại đồ uống này đã giảm kể từ đầu năm khi đợt bán hàng đầu tiên của năm 2023 ghi nhận 2,25 USD/kg. Giá chè vẫn ở mức thấp trong nửa cuối năm 2022 gây lo ngại cho các bên liên quan vì nông dân có thể sẽ thấy thu nhập của họ giảm trong năm tài chính hiện tại.

Đợt bán hàng đầu tiên trong năm khởi đầu thuận lợi với giá hầu hết các loại chè của Sri Lanka đã tăng giá trong phiên đấu giá tuần đầu tiên của tháng 1 năm 2023. Nguyên nhân có thể do nhu cầu tăng lên do không có phiên đấu giá vào tuần trước khi nghỉ Tết DL và nguồn cung dự đoán thấp hơn do điều kiện khí hậu phổ biến.

Giá chè Sri Lanka tăng mạnh vào năm 2022, sau khi đồng rupee giảm giá. Giá ổn định kể từ tháng 5

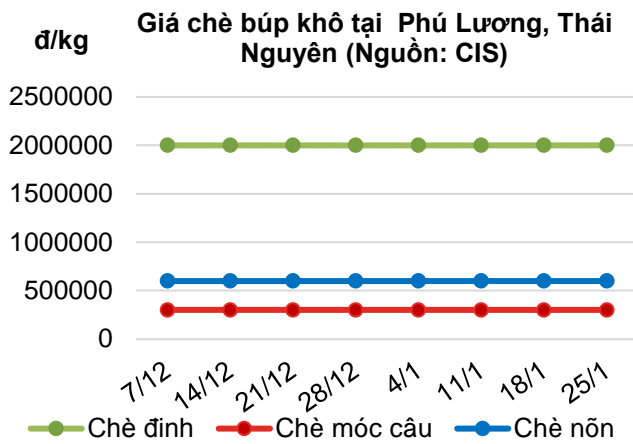
năm 2021 và tăng dần từ tháng 1 năm 2022 để đạt mức cao nhất mọi thời đại vào tháng 10.

Một triển vọng hỗn hợp cho ngành chè của đất nước được nhà môi giới Forbes & Walker Tea Brokers dự báo vào năm 2023 trong bối cảnh những thách thức toàn cầu, trong đó tác động ngày càng trở nên khó dự đoán. Theo Forbes & Walker Tea Brokers, trường hợp nếu sản lượng ở hầu hết các nước sản xuất sẽ cải thiện vào năm 2023 sau khi tăng trưởng âm vào năm 2022, một vấn đề cần quan tâm là chi phí đầu vào tăng, có nghĩa là trong điều kiện điều chỉnh lạm phát, lợi nhuận của nông dân sẽ vẫn thấp hơn so với trước đây. Về giá cả, quý 1 năm 2023 sẽ là giai đoạn khó khăn đối với hầu hết các nước sản xuất. Trong trường hợp không có thước đo toàn cầu về trữ lượng chè, việc dự đoán giá chè trở nên gần như không thể.

Trong bối cảnh triển vọng lạc quan về giá cả, ngành này tiếp tục bị thách thức. Các yếu tố tác động đến ngành được xác định là tiền lương liên tục tăng và tỷ lệ cơ giới hóa thấp hơn và gần đây là chi phí tài chính tăng mạnh sẽ tiếp tục làm giảm khả năng cạnh tranh do chi phí sản xuất trung bình cao hơn so với các nước sản xuất và xuất khẩu lớn khác.



Thị trường trong nước



Tại thị trường trong nước, các hộ trồng chè cũng như cơ sở kinh doanh đẩy mạnh sản xuất phục vụ thị trường dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 2023. Sức mua tăng, trong khi giá ổn định không có biến động nhiều so với trong năm. Tại vùng chè Phú Lương, Thái Nguyên, giá bán buôn chè búp khô

như chè đĩnh ổn định so với tháng trước ở mức 2 triệu đ/kg; chè móc câu giữ mức 300.000 đ/kg, chè nõn 600.000 đ/kg. Chè búp tươi ở một số vùng đang vào thời kỳ nghỉ đông không cho thu hái nên chưa bán trên thị trường.

Theo số liệu thống kê, khối lượng xuất khẩu chè năm 2022 đạt 146 nghìn tấn với giá trị 236 triệu USD, tăng 15,2% về khối lượng và tăng 10,6% về giá trị so với năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân năm 2022 đạt 1.619 USD/tấn, giảm 4% so với năm 2021. Trong năm 2022, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 43,5% thị phần, tăng 27,2% về khối lượng và tăng 20,1% về giá trị so với năm 2021. Ước khối lượng xuất khẩu chè tháng 1 năm 2023 đạt 9 nghìn tấn với giá trị đạt 15 triệu USD, tăng 1,2% về khối lượng và tăng 1,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.



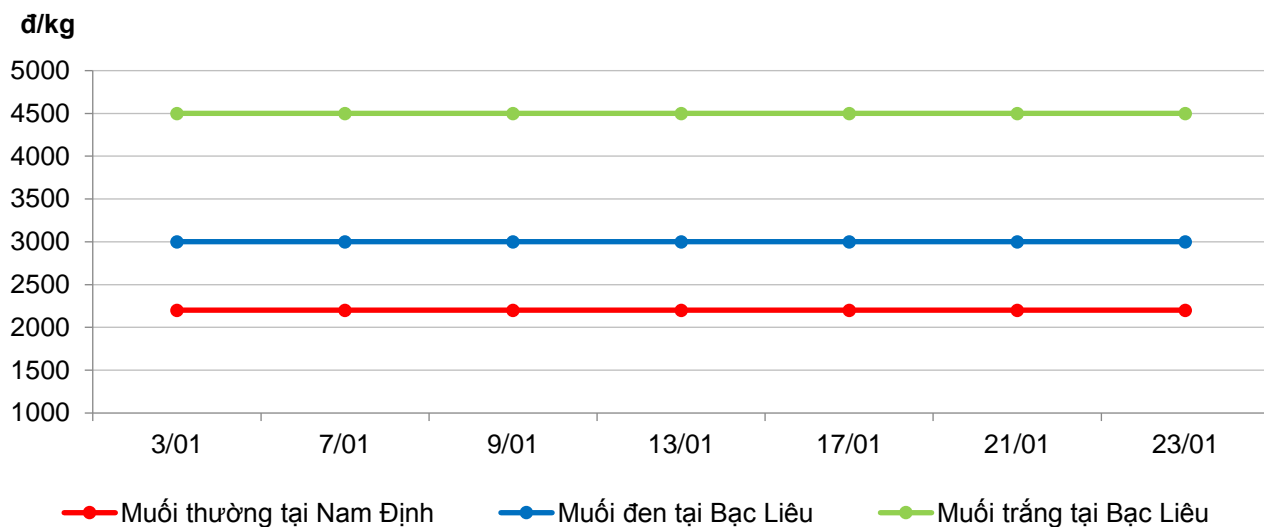


Thị trường trong nước

Theo hệ thống giá của Trung tâm Tin học và Thống kê thu thập báo giá tại các địa phương. Trong tháng 1/2023 các vùng có muối đều đã thu hoạch xong và trồng vụ muối mới xong xuôi từ giữa tháng 1 trước khi nghỉ lễ tết Nguyên Đán. Tuy nhiên do nhu cầu dùng cho tết tăng về lượng nên giá muối tại miền

Bắc tăng nhẹ, còn miền Nam ổn định về giá; cụ thể giá muối Nam Định tháng 1/2023 có giá 2.200đ/kg tăng 100đ so với tháng 12/2022, Giá muối Bạc Liêu biến động ổn định giá so với tháng 12/2022 giữ ở mức; 4.500đ/kg. Muối đen Bạc Liêu 2.500đ-3.500đ/kg.

Giá muối thị trường trong nước tháng 1/2023



Thị trường thế giới

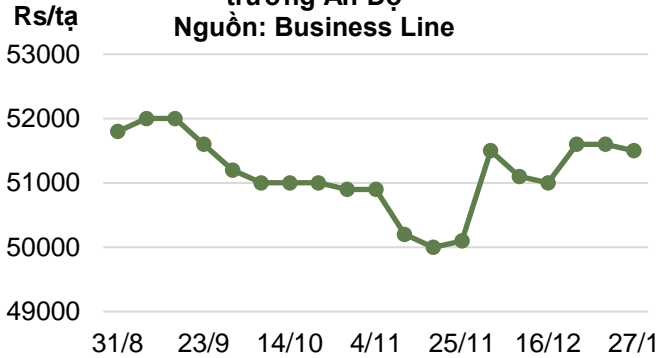
Trong tháng 1/2023, giá tiêu giao ngay của Ấn Độ giảm 100 Rs/ tạ xuống mức 51.500 Rs/ tạ. Tiêu đen Lampung (Indonesia) ở mức 3.546 USD/tấn, giảm 46 USD/tấn. Tiêu đen Brazil ASTA 570 ở mức 2.600

USD/tấn, tăng 100 USD/tấn. Tiêu đen Kuching (Malaysia) ASTA ở mức 4.900 USD/tấn, không đổi so với cuối tháng 12/2022.

Quy mô thị trường hạt tiêu đen toàn cầu ước tính trị giá 3.159 triệu USD vào năm 2021 và được dự báo đạt quy mô 4.184,2 triệu USD vào năm 2028 với tốc độ CAGR (Compound Annual Growth Rate - tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm) là 4,1% trong giai đoạn dự báo 2022 -2028.

Bên cạnh đó, thị trường đang trải qua một năm tăng mạnh về nhu cầu đối với hạt tiêu đen nhưng lại không được hỗ trợ bởi nguồn cung đầy đủ. Điều này chủ yếu là do mất mùa thâm canh ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Ấn Độ và Brazil. Sự thay đổi nhiệt độ đột ngột và lượng mưa không kịp thời đã dẫn đến sự sụt giảm đáng kể về sản lượng tiêu đen.

Giá tiêu giao ngay trên sàn Kochi, thị trường Ấn Độ
Nguồn: Business Line



Thị trường trong nước

Giá hạt tiêu biến động giảm trong tháng 1/2023. Tại Bà Rịa Vũng Tàu, giá tiêu ở mức 58.500 đ/kg. Tại Đắk Lắk, Đắk Nông, giá tiêu 57.000 đ/kg. Tại Đồng Nai và Gia Lai, giá tiêu dao động từ 56.000 – 57.000 đ/kg.

Hiện vụ thu hoạch hạt tiêu vụ mùa năm 2023 tại Việt Nam bắt đầu mùa vụ thu hoạch chính và kéo dài đến hết tháng 4. Dự kiến sản lượng hạt tiêu vụ mùa năm 2023 sẽ tăng khoảng 5% so với năm 2022, đạt 180.000 – 185.000 tấn.

Dự báo năm 2023, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sẽ tiếp tục đối mặt với khó khăn trong bối cảnh giá thế giới chịu áp lực do nhu cầu tiêu thụ thấp. Nhu cầu hạt tiêu sẽ giảm mạnh vào quý I/2023 với mùa Đông rất khó khăn ở khu vực EU, do cuộc khủng hoảng năng lượng. Thời điểm này trùng với hàng vụ mới của Việt Nam được đưa ra thị trường. Do đó, ngành hạt tiêu Việt Nam cần tăng khả năng hợp chuẩn theo các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là về các khía cạnh như dư lượng hóa chất, các tiêu chí sản xuất bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh chế biến sâu, tạo ra những sản phẩm mới giúp tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Theo số liệu thống kê, khối lượng hạt tiêu xuất khẩu năm 2022 đạt 229 nghìn tấn và 971 triệu USD, giảm 12,4% về khối lượng nhưng tăng 3,5% về giá trị so với năm 2021.

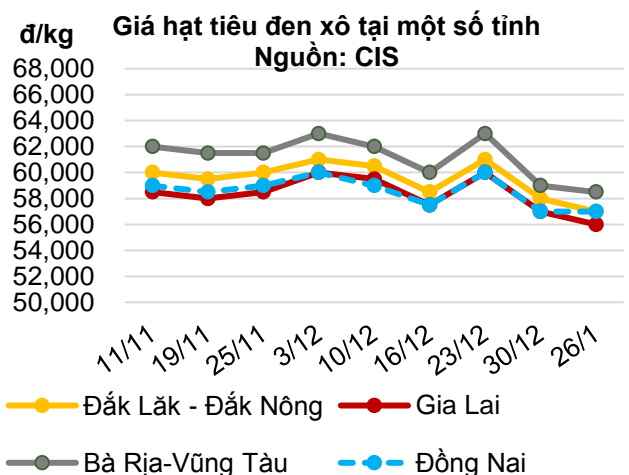
Giá tiêu xuất khẩu bình quân năm 2022 đạt 4.244 USD/tấn, tăng 18,1% so với năm 2021.

Ba thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất của Việt



Nam trong năm 2022 là: Hoa Kỳ, Tiểu Vương Quốc Ả-rập Thống Nhất và Ấn Độ với 40,9% thị phần. Trong năm 2022, giá trị xuất khẩu hạt tiêu tăng mạnh nhất là Nhật Bản (tăng 60%).

Ước khối lượng xuất khẩu hạt tiêu tháng 1 năm 2023 đạt 18 nghìn tấn với giá trị đạt 61 triệu USD, tăng 14,9% về khối lượng nhưng giảm 17,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

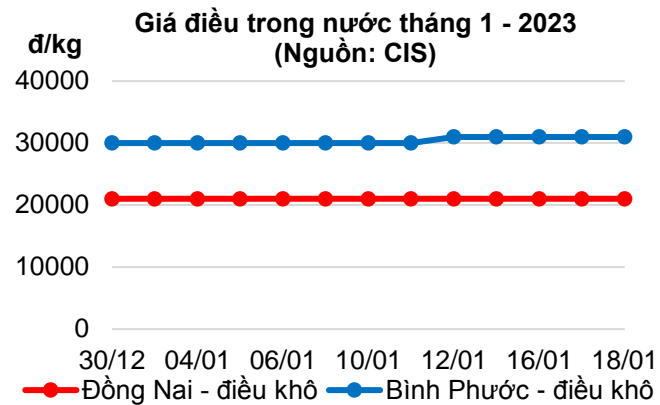




Thị trường trong nước

Trong tháng đầu tiên của năm mới 2023, giá điều nguyên liệu tại Bình Phước biến động tăng nhẹ, trong khi vẫn ổn định tại Đồng Nai. Nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão đã góp phần đẩy tăng giá hạt điều trên thị trường trong nước. Giá hạt điều khô tại Bình Phước tăng 1.000 đồng/kg, từ 30.000 đồng/kg vào cuối năm ngoái lên 31.000 đồng/kg. Tại Đồng Nai, hạt điều khô mua xô vẫn giữ ở mức 21.000 đồng/kg.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng hạt điều xuất khẩu năm 2022 đạt 520 nghìn tấn và 3,09 tỷ USD, giảm 10,3% về khối lượng và giảm 15,1% về giá trị so với năm 2021. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân năm 2022 đạt 5.938,4 USD/tấn, giảm 5,4% so với năm 2021. Trong năm 2022, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan vẫn duy trì là 3 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là: 27,3%, 14,3% và 9,6% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Trong năm 2022, giá trị xuất khẩu hạt điều tăng mạnh nhất tại thị trường Irắc (+83,4%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu hạt điều giảm mạnh nhất là Canada (-31,7%). Ước khối lượng xuất khẩu hạt điều tháng 1/2023 đạt 40 nghìn tấn với giá trị đạt 226 triệu USD, tăng 0,7% về khối lượng nhưng giảm 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

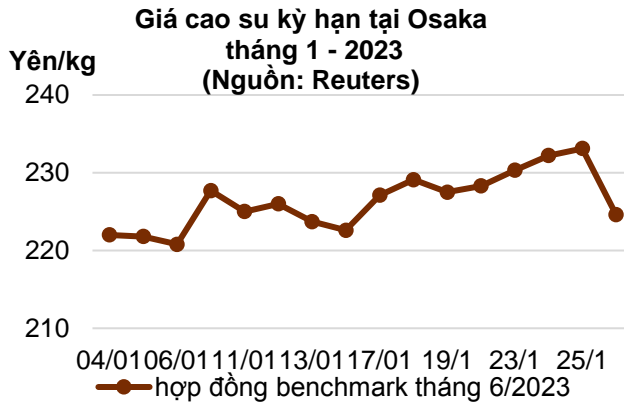


Về nhập khẩu, khối lượng hạt điều nhập khẩu năm 2022 đạt 1,9 triệu tấn với giá trị nhập khẩu đạt 2,68 tỷ USD, giảm 34,6% về khối lượng và giảm 36,9% về giá trị so với năm 2021. Campuchia, Bờ Biển Ngà và Gana là 3 thị trường cung cấp hạt điều chính cho Việt Nam trong năm 2022 với 70,8% thị phần. Giá trị nhập khẩu hạt điều trong năm 2022 từ 3 thị trường này đều giảm so với năm 2021, mức giảm lần lượt là: 41,9%, 34,7% và 34,9%. Ước khối lượng nhập khẩu hạt điều tháng 1 năm 2023 đạt 85 nghìn tấn với giá trị đạt 105 triệu USD, tăng 21,9% về khối lượng và 0,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.





Thị trường thế giới



Tháng 1/2023, giá cao su trên thị trường châu Á có xu thế tăng do do việc nới lỏng một số hạn chế về phòng, chống Covid gần đây tại Trung Quốc, các nhà đầu tư kỳ vọng nhu cầu cao su tại nước này sẽ được cải thiện.

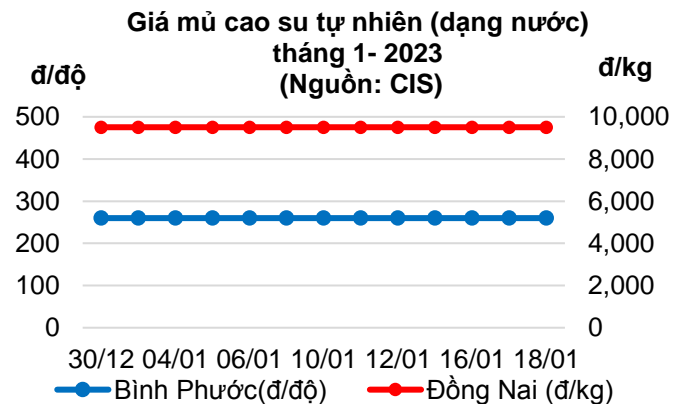
Giá cao su hợp đồng benchmark kỳ hạn giao tháng 6/2023 trên sàn Osaka (Nhật Bản) cuối phiên 25/1 đạt 233,1 yên/kg, tăng 11,1 yên (tương đương 5%) so với thời điểm cuối tháng 12/2022. Đây cũng là mức cao trong tháng đầu tiên của năm mới 2023.

Thị trường trong nước

Tại thị trường trong nước, tháng 1/2023 giá thu mua mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước và Đồng Nai không biến động so với cuối năm ngoái. Trong đó, mủ tự nhiên tại Bình Phước duy trì mức 260 đồng/độ. Tại Đồng Nai, giá thu mua mủ tự nhiên duy trì mức 9.500 đồng/kg, sau khi có biến động giảm vào cuối tháng 12/2022.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, xuất khẩu cao su năm 2022 đạt 2,15 triệu tấn với giá trị 3,32 tỷ USD, tăng 9,7% về khối lượng và tăng 1,1% về giá trị so với năm 2021. Giá cao su xuất khẩu bình quân năm 2022 đạt 1.546 USD/tấn, giảm 7,8% so với năm 2021. Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong năm 2022, chiếm thị phần lần lượt là 71,9%, 6% và 2,4 %. Trong năm 2022, giá trị xuất khẩu cao su giảm ở hầu hết các thị trường, ngoại trừ 4 thị trường Nga (+55,6%), Trung Quốc (+4,3%), Indonesia (+0,9%) và Brazil (+11,2%). Tháng 1/2023, ước khối lượng xuất khẩu cao su tháng đạt 200 nghìn tấn với giá trị đạt 270 triệu USD, tăng 3,8% về khối lượng nhưng giảm 18,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Về nhập khẩu, ước khối lượng nhập khẩu cao su năm 2022 đạt 2,23 triệu tấn với giá trị đạt 3,15 tỷ USD, tăng 4,9% về khối lượng và tăng 6,2% về giá trị so với năm 2021. Campuchia (chiếm 48,3% thị phần), Hàn Quốc (10%) và Trung Quốc (9,4%) là 3 thị trường cung cấp cao su chính cho Việt Nam trong năm 2022. So với năm 2021, giá trị nhập khẩu cao su từ 3 thị trường này đạt lần lượt là: 1,52 tỷ USD (giảm 1,0%), 316,6 triệu USD (+6%) và 295,5 triệu USD (+44,2%). Tháng 1/2023, khối lượng nhập khẩu cao su ước đạt 180 nghìn tấn với giá trị đạt 211 triệu USD, giảm 33,5% về khối lượng và giảm 42,1% về giá trị.



Thị trường thế giới

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ NN&PTNT), trích giá từ nguồn Reuters, giá gỗ xẻ tại sở giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tháng 1/2023 có diễn biến tăng nhẹ. Theo đó hợp đồng kỳ hạn tháng 3/2023 ngày 3/1 ở mức là 377.3 USD/tbf, giảm 86.9 USD/tbf so với cuối tháng là ngày 25/1 mức 464.2 USD/tbf. Giá ván xẻ tại thị trường Mỹ tháng đầu năm mới 2023 có xu hướng tăng nhẹ do nhu cầu mua sắm không nhiều. Một số nơi nhu cầu sửa sang nhà do các trận tuyết lớn làm hỏng hóc một số hạng mục trong nhà của người dân.

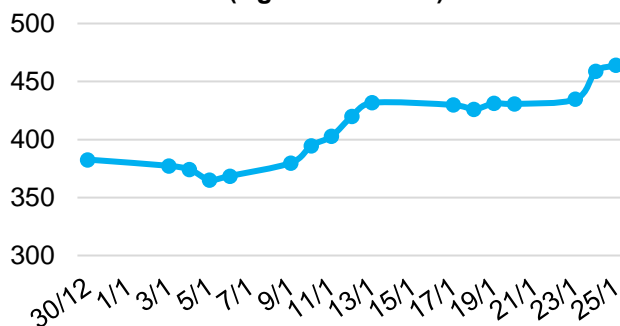
Theo thông tin từ trang <https://www.globalwood.org>. Thị trường gỗ tại Mỹ đầu năm 2023 với doanh số gỗ xẻ tăng chậm, theo nhịp cuối năm 2022. Theo các chuyên gia điều này là hoàn toàn bình thường theo



Hợp đồng kỳ hạn tháng 3/2023

464,2 USD/tbf ↑ + 86,9

Giá gỗ xẻ tại thị trường Chicago, Mỹ tháng 1/2023
(Nguồn: Reuters)



chu kỳ hàng năm, do nhu cầu mua sắm, trang trí cho dịp tết năm 2022 đã qua, đặc biệt năm nay tại nước Mỹ thời tiết mùa đông rất khắc nghiệt trên khắp lục địa. Mùa đông thông thường không phải thời điểm tốt để xây dựng và sửa nhà. Các nhà khai thác khối lượng lớn, đặc biệt ở British Columbia đã giảm sản xuất và hạn chế sản xuất gỗ xẻ trong tháng 1/2023.

Thị trường trong nước

Thị trường gỗ trong nước tháng 1/2023 do các cửa hàng, xưởng gỗ đều đóng cửa vào ngày nghỉ lễ Tết Nguyên đán nên thị trường gỗ trong nước không có nhiều biến động. Giá gỗ nguyên liệu tại 3 miền, Bắc – Trung – Nam đều giảm nhẹ. Các chuyên gia dự báo thị trường gỗ nửa đầu năm không có biến động tăng nhiều, thị trường tăng mạnh vào dịp cuối năm và có thể tăng cao hơn năm 2022. Do nhu cầu trong nước và xuất khẩu đều dồn vào nửa cuối năm.

Thị trường xuất khẩu tháng 1/2023 chưa có nhiều khởi sắc, do các xưởng đều nghỉ tết nên các giao dịch đều tạm dừng. Tuy nhiên các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu gỗ vẫn kỳ vọng sớm có những tín hiệu tươi sáng để có tốc độ tăng trưởng từ 7-9% trong năm 2023 và đạt trên 18 tỷ USD. Đặc biệt thị trường dăm gỗ và viên nén tiếp tục là động lực phát triển cho ngành hàng xuất khẩu.





Thị trường thế giới

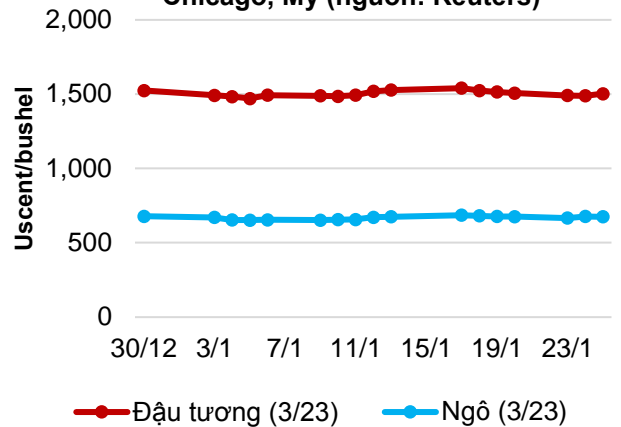
Thị trường ngô và đậu tương kỳ hạn Chicago (Mỹ) trải qua tháng đầu tiên của năm 2023 với xu thế tăng trong 20 ngày đầu tháng, sau đó thị trường bước vào các phiên điều chỉnh giảm. Tính chung trong tháng, cả giá ngô và đậu tương đều tăng nhẹ về cuối tháng, với biên độ dao động hẹp.

Giá đậu tương hợp đồng kỳ hạn tháng 3/2023 phiên 17/12 đạt mức cao 1539,6 UScent/giạ, tăng 47,4 UScent (tương đương 3,2%) so với phiên đầu tháng. Đến cuối phiên 25/1, Giá đậu tương ở mức 1502 UScent/giạ.

Giá ngô có diễn biến tích cực, với hợp đồng kỳ hạn tháng 3/2023 đóng cửa phiên 17/12 đạt mức cao 685,2 UScent/giạ, tăng 14,8 UScent (tương đương 2,2%) so với phiên đầu tháng.

Công ty Nghiên cứu Hàng hóa Hightower cho biết, các thương nhân tin rằng vụ mùa đậu tương có thể phục hồi đáng kể hơn sau thiệt hại và hạn hán.

Giá ngô và đậu tương tại thị trường Chicago, Mỹ (nguồn: Reuters)



Dự kiến sẽ có nhiều mưa hơn trên khắp Achantina trong tuần tới, sau khi các trang trại bị hạn hán của nước này đón nhận mưa trên diện rộng trong tuần này, ngăn chặn thiệt hại thêm cho vụ mùa. Đây sẽ là yếu tố kìm hãm giá đậu tương tăng mạnh.

Thị trường trong nước

Tháng 1, ngô hạt sấy tại Bình Phước là mặt hàng duy nhất có xu thế tăng, trong khi các loại nguyên liệu TACN còn lại tại Bình Phước và Hà Nội đều duy trì thế vững.

Cụ thể, mặt hàng ngô hạt sấy tại Bình Phước tăng 500 đồng/kg, từ 10.500 đồng/kg lên 11.000 đồng/kg; cám gạo ổn định ở 9.000 đồng/kg; ngô bột ở mức 12.000 đồng/kg.

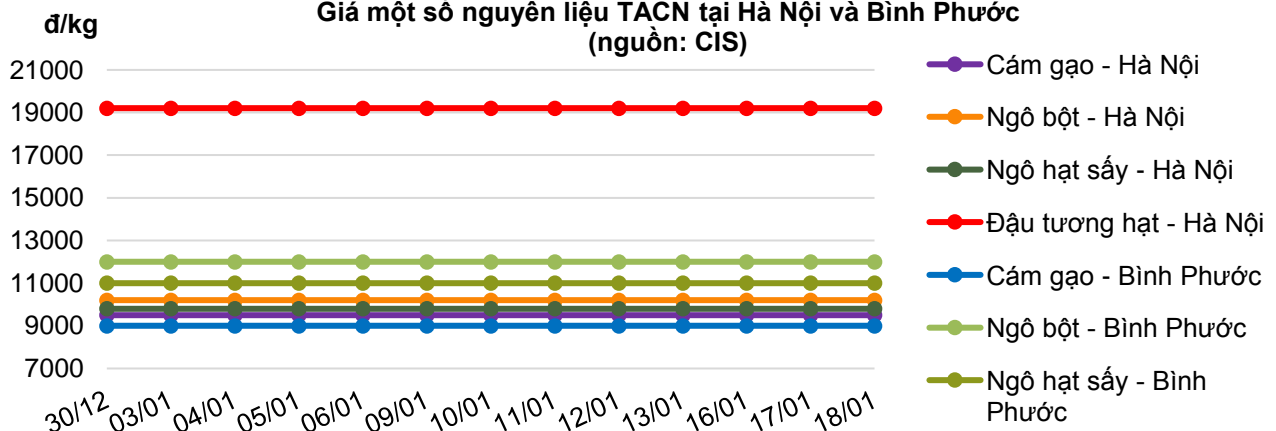
Tại Hà Nội, mặt hàng cám gạo duy trì mức 9.500 đồng/kg và ngô hạt sấy ở mức 9.800 đồng/kg; ngô bột có giá 10.200 đồng/kg và đậu tương hạt là 19.200 đồng/kg.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, nhập khẩu đậu tương năm 2022 đạt 1,84 triệu tấn với giá trị đạt 1,28 tỷ USD, giảm 8,9% về lượng nhưng tăng 7,9% về giá trị so với năm 2021. Braxin, Hoa Kỳ và Canada là 3

thị trường cung cấp đậu tương chính cho Việt Nam trong năm 2022 với 95,2% thị phần. Tháng 1 năm 2023, khối lượng đậu tương nhập khẩu ước đạt 100 nghìn tấn với giá trị đạt 67 triệu USD, giảm 45,9% về khối lượng và giảm 40% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Khối lượng ngô nhập khẩu năm 2022 đạt 9,57 triệu tấn với giá trị đạt 3,33 triệu USD, giảm 4,5% về khối lượng nhưng tăng 15,6% về giá trị so với năm 2021. Nguồn nhập khẩu ngô của Việt Nam trong năm 2022 chủ yếu từ 3 thị trường: Achantina, Braxin và Ấn Độ chiếm 82,4% thị phần. So với năm 2021, giá trị nhập khẩu ngô trong năm 2022 từ Achantina tăng 11,3%, Braxin (+22,8%) và Ấn Độ (-10,1%). Ước khối lượng nhập khẩu ngô tháng 1 năm 2023 đạt 800 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 271 triệu USD, giảm 24,8% về khối lượng và giảm 20,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.

Giá một số nguyên liệu TACN tại Hà Nội và Bình Phước (nguồn: CIS)





Thị trường trong nước

Trong những ngày đầu tháng 1, lượng hàng giao dịch bán ra tăng lên do khách hàng Trung Quốc có nhu cầu mua hàng chuẩn bị kế hoạch sản xuất sau khi Chính phủ Trung Quốc mở cửa trở lại sau dịch Covid. Giá nguyên liệu cận Tết tăng nên giá bán ra tăng do nguồn nguyên liệu một số vùng bắt đầu có xu hướng giảm.

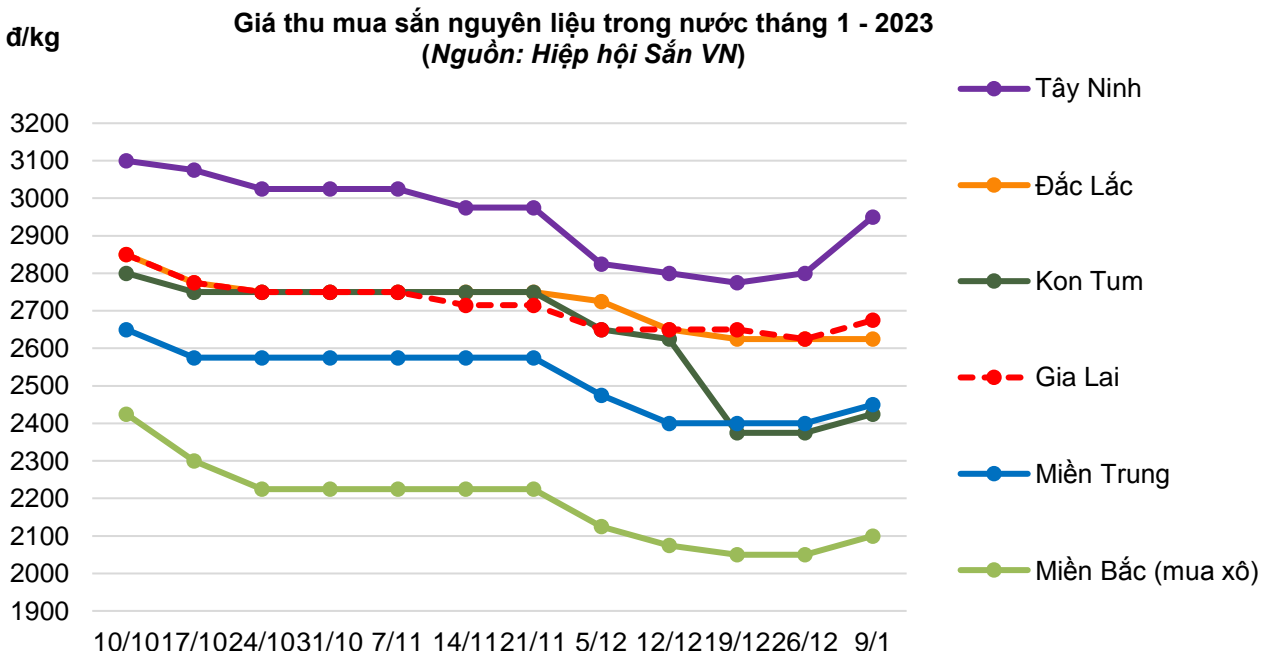
Theo các thương nhân, đã có nhiều đơn vị mở kho thu mua sắn lát. Giá xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc chưa được xác lập bởi giá thu mua khá cao so với mặt bằng giá xuất khẩu. Do đó, các đơn vị chủ yếu thu mua sắn lát nhập trữ kho và tập trung bán cho các nhà máy TACN nội địa với giá cao hơn giá xuất khẩu.

Giá sắn nguyên liệu (trừ bột 30%) tại các địa phương biến động tăng trong tháng 1/2023. Cụ thể, ngày 9/1, tại Tây Ninh ở mức 2.950 đồng/kg, tăng 150 đồng/kg so với cuối tháng 12/2022; Kon Tum ở mức 2.425 đồng/kg (tăng 50 đồng/kg); Gia Lai giảm còn 2.675 đồng/kg (tăng 50 đồng/kg); tại miền Bắc và miền Trung cùng tăng 50 đồng/kg lên các mức tương ứng là 2.100 đồng/kg và 2.450 đồng/kg. Riêng tại Đắk Lắk giá sắn nguyên liệu giữ mức 2.625 đồng/kg.

Trong tháng 1, giá chào bán tinh bột sắn xuất khẩu của các nhà máy Việt Nam ở mức 445 – 475 USD/tấn (FOB cảng TPHCM), tăng 20 USD/tấn so với tháng 12 năm ngoái. Giá sắn lát xuất khẩu đi Hàn Quốc cũng tăng 20 USD/tấn lên 310 USD/tấn (FOB cảng Quy Nhơn).

Giá bán tinh bột sắn Thái Lan ổn định ở mức 495 USD/tấn FOB Bangkok.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn trong năm 2022 đạt 3,25 triệu tấn và 1,41 tỷ USD, tăng 13,3% về khối lượng và tăng 19,7% về giá trị so với năm 2021. Trong năm 2022, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam, chiếm 91,5% thị phần, tăng 11% về khối lượng và tăng 17,2% về giá trị so với năm 2021. Ước khối lượng xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn tháng 1 năm 2023 đạt 300 nghìn tấn với giá trị đạt 116 triệu USD, tăng 15,6% về khối lượng và tăng 4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.





Thị trường thế giới

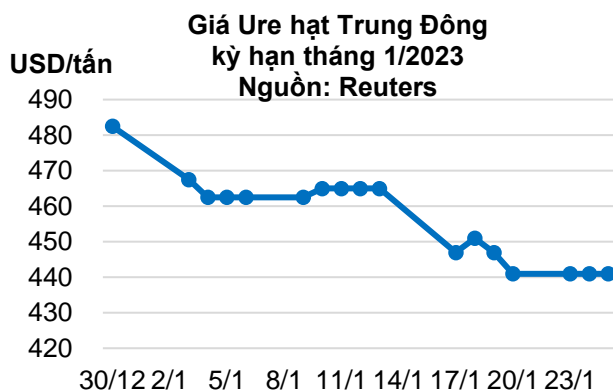
Tháng qua, giá Ure hạt Trung Đông kỳ hạn tháng 1/2023 giảm 41,5 USD/tấn xuống mức 441 USD/tấn. Theo Hiệp hội Phân bón quốc tế IFA, tổng năng lực sản xuất phân bón chứa đạm (tính theo N), photpho (tính theo P2O5) và kali (tính theo K2O) quy mô toàn cầu của năm 2022 cao hơn so với năm 2020 và 2021 (năm 2022: 318,8 triệu tấn; Năm 2021: 315,9 triệu tấn; Năm 2020: 313,4 triệu tấn).

Sản xuất phân bón chứa đạm: Trung Quốc, đứng đầu thế giới với khoảng hơn 30 triệu tấn mỗi năm, chiếm 24,6% sản lượng toàn cầu, Hoa Kỳ đứng thứ hai và Ấn Độ đứng thứ ba, sản xuất lần lượt 11,6% và 11,3% nguồn cung toàn cầu.

Sản xuất phân bón chứa lân: Hoa Kỳ đứng thứ hai, với 5 triệu tấn mỗi năm, chiếm 9,9% sản lượng toàn cầu, sau Trung Quốc - sản xuất khoảng 20 triệu tấn, chiếm 37,7%. Ấn Độ đứng vị trí thứ ba, chiếm 9,8% trong tổng sản lượng phân lân toàn cầu.

Sản xuất phân bón kali: Gồm 2 loại MOP và SOP, Canada dẫn đầu về sản lượng MOP, chiếm 31,9% sản lượng toàn cầu với gần 15 triệu tấn/năm, tiếp theo là Belarus sản xuất 16,5%, Nga đứng thứ ba với 16,1%.

Đối với thương mại quốc tế ngành phân bón, Nga đứng đầu trong xuất khẩu phân bón chứa đạm, với 16,5% thị phần xuất khẩu, tiếp theo là Trung Quốc với khoảng 11,2% và Ả Rập Xê-út chiếm 6,4%. Về phân bón chứa lân, Trung Quốc đứng đầu chiếm 25,2%, tiếp theo là Maroc với 17,4% và Nga với 12,7%. Về xuất khẩu kali, Canada chiếm tỷ trọng lớn



nhất với 36,2%, tiếp theo là Belarus 18,5% và Nga, chiếm 16,5%.

Trong khoảng 50 năm gần đây giá phân bón thế giới đã có ba lần tăng đột biến, đợt 1 vào năm 1973-1974, đợt 2 vào năm 2007-2008. Từ đầu năm 2021 đến nay, thế giới chứng kiến đợt tăng giá thứ ba của phân bón với mức tăng “phi mã”.

Nguyên nhân là do giá khí đốt tự nhiên (nguyên liệu chính cho hầu hết các loại phân đạm, chiếm từ 70% đến 90% chi phí sản xuất) tăng đột ngột đã dẫn đến tăng giá phân bón, buộc nhiều nhà máy sản xuất phân bón phải đóng cửa.

Đồng thời, xung đột Nga - Ukraine đã làm trầm trọng thêm tình hình nguồn cung phân đạm toàn cầu. Nga đã tạm dừng xuất khẩu hàng trăm mặt hàng trong đó có phân bón, lệnh này kéo dài đối với phân bón đến tháng 5/2023 để đảm bảo nguồn cung trong nước.

Thị trường trong nước

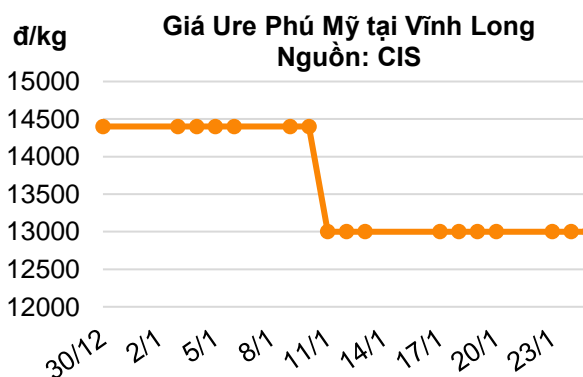
Trong tháng 1/2023, giá phân bón diễn biến trái chiều tại các địa phương. Giá phân bón tại Hà Nội tăng. Cụ thể, giá đạm Ninh Bình tăng 1.000 đ/kg lên 18.500 đ/kg. Giá Kali tăng 800 đ/kg lên 17.000 đ/kg. Giá Ure Phú Mỹ tăng 500 đ/kg lên 18.000 đ/kg. Tại Vĩnh Long, giá các loại phân bón có xu hướng giảm. Giá Lân NPK 16-16-8 giảm 20.000 đ/bao xuống 830.000 đ/bao 50 kg. Giá KCL Trung Quốc giảm 100.000 đ/bao xuống 950.000 đ/bao. Giá DAP Trung Quốc xanh giảm 30.000 đ/bao xuống 1.350.000 đ/bao. Giá Ure Phú Mỹ giảm 70.000 đ/bao xuống 650.000 đ/bao.

Theo số liệu thống kê, khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong năm 2022 đạt 3,39 triệu tấn và 1,62 triệu USD, giảm 25,9% về khối lượng nhưng tăng 10,1% về giá trị so với năm 2021.

Nguồn phân bón các loại nhập khẩu trong năm 2022 chủ yếu từ Trung Quốc với tỷ trọng chiếm 45,1%, Nga (12,5%) và Israen (5,7%). So với năm 2021,

giá trị nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc tăng 18,6%, Nga (+35%) và Israen (-3,9%).

Ước khối lượng nhập khẩu phân bón các loại tháng 1 năm 2023 đạt 200 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 81 triệu USD, giảm 38,4% về khối lượng và giảm 47,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022.





LÚA GẠO

Theo báo cáo tháng 1/2023 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo thế giới dự báo giảm 0,3 triệu tấn xuống còn 503 triệu tấn (quy gạo xay xát), giảm hơn 2% so với kỷ lục năm ngoái và là năm giảm đầu tiên kể từ niên vụ 2015/16. Sản lượng gạo được dự báo giảm trong tháng này đối với Trung Quốc, Mêhico, Nga, Ucraina và Mỹ đã bù đắp dự báo tăng đối với Ấn Độ.

Thương mại gạo năm 2023 dự báo tăng 0,6 triệu tấn lên 54,4 triệu tấn, giảm 4% so với kỷ lục năm ngoái và lần đầu tiên giảm kể từ năm 2019.



CAO SU

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANPRC), sản lượng cao su thế giới ghi nhận mức tăng trưởng 0,1% lên 1,397 triệu tấn trong tháng 12/2022, mức tăng sản xuất chậm nhất trong năm. Ngược lại, nhu cầu cao su thiên nhiên của thế giới tăng với tốc độ nhanh hơn 2,5% lên 1,3111 triệu tấn trong cùng kỳ tham chiếu. Thị trường vật chất và kỳ hạn cũng hoạt động tốt hơn khi giá cao su nhích lên cao hơn so với các tháng trước.



PHÂN BÓN

Dự báo về cung - cầu và giá phân bón năm 2023, do cuộc xung đột Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu chấm dứt, Hiệp hội Phân bón quốc tế (IFA) đã đưa ra 3 kịch bản để phản ánh sự không chắc chắn trong thị trường phân bón. Cụ thể, kịch bản bi quan, nhu cầu phân bón toàn cầu sẽ giảm vào năm 2023 và đạt 194,6 triệu tấn vào năm 2026, nghĩa là nhiều hơn 2 triệu tấn so với năm 2019, nhưng thấp hơn 9 triệu tấn so với mức năm 2020. Kịch bản trung bình, nhu cầu phân bón thế giới ở mức 202,1 triệu tấn vào năm 2026. Kịch bản lạc quan, nhu cầu phân bón toàn cầu sẽ đạt 211,1 triệu tấn vào năm 2026. Ở các kịch bản, đều có rất ít khả năng giá phân bón sẽ giảm xuống thấp hơn vào năm 2023.



CÀ PHÊ

Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), sản lượng cà phê toàn cầu ước tính tăng 6,6 triệu bao lên 172.8 triệu bao vào niên vụ 2022/2023, trong khi mức tiêu thụ tăng hơn 800 nghìn bao so với mức 167,9 triệu bao của niên vụ 2021/2022.



HỒ TIÊU

Theo Hiệp hội Hồ tiêu quốc tế, dự báo năm 2023, giá hạt tiêu thế giới tiếp tục chịu sức ép giảm do nhu cầu tiêu thụ vẫn ở mức thấp, nguồn cung dồi dào.



THỊT


Theo dự báo của Ủy ban châu Âu, sản lượng thịt lợn của EU sẽ giảm 1%/năm trong 10 năm từ 2022 - 2032, tương đương 2,2 triệu tấn trong cả giai đoạn này. Dự báo mức tiêu thụ thịt lợn của EU sẽ giảm 0,4%/năm, từ 32,4 kg/người năm 2022 xuống 31,1 kg năm 2032. Xuất khẩu thịt lợn dự kiến sẽ giảm khi chăn nuôi của Trung Quốc phục hồi, với năng suất dự kiến sẽ phục hồi sớm hơn dự kiến ban đầu, do đó làm giảm đáng kể sự phụ thuộc của Trung Quốc vào nhập khẩu.



GỖ

Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam nhận định phải hết quý 2 năm 2023 ngành gỗ mới có thể phục hồi sản xuất khoảng 85%. Thị trường xuất khẩu được dự báo tăng trong thời gian tới, do nhu cầu được cải thiện sau khi Trung Quốc chính thức mở cửa trở lại biên giới. Lượng giao dịch sẽ tăng lên và giá ván MDF cũng tăng nhẹ. (theo <http://thitruonggo.com>)

GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 01/2023

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T01 năm 2023 (đ/kg)	Giá BQ T12 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T01/2023 so với T12/2022 (đ/kg)
	Hạt tiêu đen	Đồng Nai	58.033	58.667	-633 ▼
		Bình Phước	60.000	60.955	-955 ▼
	Hạt điều khô	Đồng Nai	21.000	21.000	0
		Bình Phước	30.500	30.182	318 ▲
	Cà phê vối nhân xô	Đắk Lắk	40.083	40.880	-797 ▼
		Lâm Đồng	39.475	40.280	-805 ▼
	Chè cành	Lâm Đồng	9.500	9.325	175 ▲
	Chè hạt	Lâm Đồng	7.100	7.050	50 ▲
	Chè búp tươi	Phú Lương-Thái Nguyên	91.667	51.667	40.000 ▲
	Chè móc câu	Phú Lương-Thái Nguyên	300.000	300.000	0
	Chè đình	Phú Lương-Thái Nguyên	2.000.000	2.000.000	0
	Chè nởn	Phú Lương-Thái Nguyên	600.000	600.000	0
	Lúa ứớt IR50404	An Giang	6.400	6.413	-13 ▼
		Vĩnh Long	6.800	5.700	1.100 ▲
	Gạo thường	An Giang	11.500	11.500	0
	Gạo IR50404	Vĩnh Long	11.000	11.000	0
	Cá tra	Vĩnh Long	29.000	29.333	-333 ▼
		An Giang	28.800	28.250	550 ▲
	Tôm sú 30 con/kg	Bạc Liêu	270.000	253.333	16.667 ▲
		Kiên Giang	195.000	201.250	-6.250 ▼



GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 01/2023

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T01 năm 2023 (đ/kg)	Giá BQ T12 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T01/2023 so với T12/2022 (đ/kg)
	Lợn hơi	Đồng Nai	52.333	57.333	-5.000 ▼
	Bò hơi	Đồng Nai	78.833	79.333	-500 ▼
	Gà Lông màu	Đồng Nai	38.833	33.833	5.000 ▲
	Gà công nghiệp Lông trắng	Đồng Nai	32.000	29.333	2.667 ▲
	Xà lách lolo xanh	Lâm Đồng	9.500	10.000	-500 ▼
	Xà lách cuộn	Lâm Đồng	11.500	12.000	-500 ▼
	Xà lách Coron	Lâm Đồng	8.975	8.500	475 ▲
	Su su	Lâm Đồng	8.000	6.000	2.000 ▲
	Cải thảo	Lâm Đồng	3.750	3.375	375 ▲
	Bắp cải trắng loại 1	Lâm Đồng	2.875	3.000	-125 ▼
	Cà chua (giống Rita)	Lâm Đồng	20.000	15.250	4.750 ▲
	Su hào củ loại 1	Lâm Đồng	8.000	8.000	0
	Hành hoa	Lâm Đồng	10.500	15.250	-4.750 ▼
	Củ dền loại 1	Lâm Đồng	13.000	10.500	2.500 ▲
	Ớt sừng	Lâm Đồng	25.000	12.000	13.000 ▲
	Ớt chuông Đà Lạt màu đỏ	Lâm Đồng	32.750	26.750	6.000 ▲
	Ớt chuông Đà Lạt màu vàng	Lâm Đồng	32.750	26.750	6.000 ▲
	Đậu cô ve	Lâm Đồng	13.500	16.250	-2.750 ▼



Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T01 năm 2023 (đ/kg)	Giá BQ T12 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T01/2023 so với T12/2022 (đ/kg)
	Xoài cát chu	Tiền Giang	36.900	27.667	9.233 ▲
		Vĩnh Long	20.000	25.000	-5.000 ▼
	Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	73.000	62.667	10.333 ▲
	Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	25.900	31.733	-5.833 ▼
	Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	22.600	24.867	-2.267 ▼
	Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	85.000	85.000	0

Lưu ý sử dụng thông tin: Đây là bản tin được phát hành hàng tuần nhằm phục vụ nhu cầu thông tin thị trường cho các cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và bà con nông dân. Những thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo và khuyến nghị. Ban biên tập rất mong nhận được sự góp ý, phản hồi, trao đổi thông tin nhằm giúp Bản tin đạt được chất lượng tốt hơn.

Mọi thông tin xin liên hệ: Phòng Công thông tin điện tử - Trung tâm Tin học và Thống kê - Điện thoại: +84 (0)24 37341635 (máy lẻ 208, 205) - Email: trangtin@mard.gov.vn